

Name:
Date: .../.../20...
Class: S6
Tel: 034 200 9294



Ngữ pháp:
Viết:
Nghe:
Mini Test:

GLOBAL ENGLISH 6: UNIT 7 – NATURE’S POWER

GRAMMAR 2

Lưu ý: Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: Con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.

A. NEW LESSON

1. Grammar: Adjective + Preposition (Tính từ đi với giới từ)

- Chúng ta hay sử dụng **giới từ đi sau tính từ** để biểu hiện **cảm nhận, cảm xúc** của con người về các sự vật, sự kiện.

Ex: We were **amazed** by what she told us. (Chúng tôi đã **rất ngạc nhiên** bởi những gì cô ấy nói với chúng tôi.)

- Một số cụm tính từ đi với giới từ phổ biến:

Adjective + Preposition	Meaning	Adjective + Preposition	Meaning
fascinated by	bị mê hoặc bởi	responsible for	chịu trách nhiệm
interested in	hứng thú với	suitable for	phù hợp với
amazed by	ngạc nhiên về	experienced in	có kinh nghiệm
sad about	buồn về chuyện gì	frightened of	kinh hãi về
excellent at	xuất sắc chuyện gì	capable of	có khả năng
friendly to	thân thiện với	kind to	tốt bụng với

2. Cambridge Vocabulary

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	foreign (adj)	liên quan đến nước ngoài	4	present (v)	trình bày, thể hiện
2	appear (v)	xuất hiện	5	useful (adj)	có ích, hữu ích
3	arrangement (n)	sự sắp xếp	6	perhaps (adv)	có lẽ, có thể

***Note:** *n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adv = adverb: trạng từ;*
adj = adjective: tính từ

*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.

B. HOMEWORK

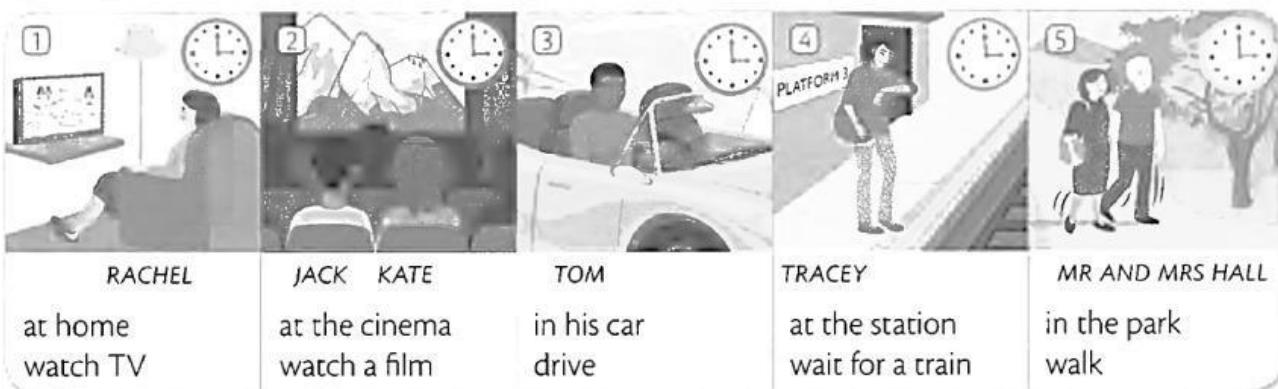
I. Circle the correct answer.

0. We were amazed _____ his generosity.

1. She was still feeling very sad _____ her father's death.

2. Clancy was excellent _____ keeping the kids under control.

II. Look at the pictures. Where were these people at 3 o'clock yesterday afternoon? And what were they doing? Write two sentences for each picture.



1 Rachel was at home. She was watching TV.

2 Jack and Kate They

3 Tom

4

5

6 And you? I...

III. Put the verb into the correct form, using PAST CONTINUOUS or PAST SIMPLE.

1 Jenny was waiting (wait) for me when I arrived (arrive).

2 'What (you / do) at this time yesterday?' 'I was asleep.'

3 '..... (you / go) out last night?' 'No, I was too tired.'

4 How fast (you / drive) when the accident (happen)?

5 Sam (take) a picture of me while I (not / look)

6. We were in a very difficult position. We **(not / know)** what to do.

IV. Fill in the blanks with the suitable words from the box.

interested friendly amazed suitable capable fascinated

9. He's really interested in meeting you.

1. You'll be **surprised** by how much progress we've made.

2. Our neighbours have always been very to us.

5. We don't consider her _____ for the job.

Luru ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

Test 3 Writing Part 1

You **must** answer this question.

Write your answer in about **100 words** on your answer sheet.

Question 1

Read this email from your English friend Teri and the notes you have made.

EMAIL	
From:	Teri
Subject:	Learning a language
<p>Hi</p> <p>I'm excited because next month I'm starting my beginners' classes to learn your language! I've never studied a foreign language before – thanks for agreeing to meet to give me some ideas.</p> <p>Are you free next Thursday afternoon after school?</p> <p>My parents say they'll buy me a dictionary to help me learn new vocabulary, and perhaps some videos. Do you think that's a good idea?</p> <p>You said that you would help me sometimes after I start my classes. Can you still do that?</p> <p>Bye, Teri</p>	

Write your email to Teri using **all** the notes.

Con hãy làm bài nghe theo link sau:

<https://youtu.be/WtP0SaqMElg>

Test 3 Listening Part 3



Questions 14-19

44 For each question, write the correct answer in the gap.

Write **one or two words** or a **number** or a **date** or a **time**.

.....

You will hear a student giving some information to his class about an acting club he's a member of.

My acting club

Teacher:

Appeared on TV as a (14)

Has mostly appeared in (15) shows

Sessions:

First part - using your (16) well

Second part - practising performance skills

Take place at the (17)

Acting Club play:

Called (18)

First performance - on (19)



Questions 20–25

45

For each question, choose the correct answer.

Con hãy làm bài nghe theo link sau:
<https://youtu.be/Jmf4YjQDd98>

You will hear an interview with a girl called Jasmine, talking about her experiences of flying a plane.

20 Why did Jasmine decide to try a flying experience day?

- A Someone recommended it.
- B She wants to become a pilot.
- C To see her area from high up.

21 How did Jasmine feel at the beginning of the flying experience day?

- A nervous about making mistakes
- B worried about how small the plane was
- C disappointed with the arrangements

22 What did Jasmine think about the training she did before the flight?

- A It was badly presented.
- B It was done too quickly.
- C Some of it wasn't useful.

23 Jasmine says that during the flight her instructor

- A said very little.
- B stayed very calm.
- C joked with her a lot.

24 Jasmine says that the flight

- A made her feel tired.
- B seemed to last a long time.
- C was better than she had hoped.

25 Which experience day would Jasmine like to try most?

- A horse riding
- B deep-sea fishing
- C sports car driving

I. Write the correct English meaning of the Vietnamese word or phrase.

No.	Vietnamese	English
1.	bão tuyết (n)	b_____
2.	lốc xoáy (n)	t_____
3.	diện tích (n)	c_____
4.	mảng kiến tạo (n.phr)	t_____ p_____
5.	đường đứt gãy (n.phr)	f_____ l_____

II. Circle the correct answer.

Lưu ý: Với những từ con không nhớ và viết sai, con chép từ đó vào vỏ 1 dòng.